

Ngũ chi Đại đạo

(năm chi đạo họ Minh)

Nói đến Ngũ chi Minh Đạo chúng ta có thể liên tưởng đến Ngũ chi gồm : Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo.

Tuy nhiên, Ngũ chi Đại Đạo cũng có nghĩa là 5 chi Đạo họ Minh gồm : Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý, Minh Thiện và Minh Tân. Năm chi Đạo kể trên đều thờ Tam giáo, xuất hiện trước Đạo Cao Đài một ít lâu, và đều có mối liên hệ mật thiết với đạo Thầy. Có thể nói các chi Đạo họ Minh này được ơn trên cho xuất hiện trước, hầu tạo nền tảng cho Đạo Cao Đài được khai minh về sau, được vững chắc trong điều kiện khó khăn của xã hội miền nam Việt Nam vào những thập niên đầu thế kỷ 20.

Dưới đây, chúng tôi xin lần lượt trình bày về sự xuất hiện của từng chi Đạo, nói qua phép tu hành thờ phượng và mối liên hệ của mỗi chi ấy với đạo Cao Đài.

1- Chi MINH SƯ

Nhiều tác giả đã viết rằng đạo Minh Sư xuất hiện tại Trung hoa vào đầu nhà Thanh (1620-1670). Lúc ấy, các võ quan cựu thần nhà Minh lập Thiên Địa Hội, các quan văn lập Minh Sư, cùng chung mục đích "phản Thanh, phục Minh".

Thật ra, đạo Minh Sư đã có từ xa xưa. Vị Tổ sư đầu tiên của Minh Sư là Đức Bồ Đề Đạt Ma (Ngài là vị Tổ Sư thứ 28 Thiên tông Ấn Độ, truyền Thiên Tông qua Trung Hoa năm 520 và trở thành Nhứt Tổ Thiên Tông Trung quốc). Lại nữa, do nhận mình là một tông phái Phật giáo nguyên thủy nên Minh Sư lấy gốc từ Đức Nhiên Đăng Cổ Phật và chọn triều đại vua Hoàng Đế (2697-2597 trước Tây Lịch).

Thời Đức Nhiên Đăng tái thế độ đời đó vào nhứt kỳ Phổ Độ. Do vậy trong sơ văn Minh Sư hiện nay ghi năm Đạo thứ 4697 làm niên biểu (1999 Tây lịch).

Theo bản "Tóm yếu lịch sử Phật Đường Nam Tông" thì thuở Đức Phật Nhiên Đăng khai Đạo là "Sơ Hội Long Hoa", tiếp đến, mỗi Đạo được Phật Thích Ca làm chương giáo thời kỳ hai, còn gọi là "Nhị Hội Long Hoa". Từ đó, Thiên tông Ấn Độ, bắt đầu với Đức Ca Diếp làm nhứt Tổ, Đức A Nan là nhị Tổ, đến Tổ thứ 28 là Đức Bồ Đề Lạt Ma.

Ngày 21 tháng chín năm 520, Ngài Bồ Đề Lạt Ma theo đường biển đến Quảng Đông (Trung Hoa), truyền đạo nhiều nơi, cuối cùng Ngài đến Thiểu Lâm Tự (Lạc Dương) tham thiền cứu niên diên bích và thị tịch năm 536. Các vị Tổ Thiên Tông kế tiếp như chúng ta đã biết :

- Nhị Tổ Huệ Khả (468-593)
- Tam Tổ Tăng Xáng (? -606)
- Tứ Tổ Đạo Tín (580-651)
- Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn (601-674)
- Lục Tổ Huệ Năng (638-713)

Từ khi Ngũ Tổ Huệ Năng truyền Tổ bàn cho Lục Tổ Huệ Năng, Phật giáo Thiên Tông chia làm 2 phái :

- Về phía Bắc, Ngài Thần Tú truyền giáo pháp "Thật Tu Niệm Ngô" ở các tỉnh Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Bắc .. sang đến Cao Ly, Nhật Bản gọi là Bắc Tông.
- Về phía Nam, Ngài Huệ Năng truyền giáo pháp " Đốn Ngô Diệu Tu" ở các tỉnh Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, Giang Tây, Vân Nam ... gọi là Nam Tông.

Đến năm 713, trước khi viên tịch, Lục Tổ có di ngôn "Từ khi ta liễu về sau, Phật pháp truyền thừa bị đình trệ 70 năm. Sau đó sẽ có 2 vị Bồ Tát, một vị xuất gia, một vị cư sĩ đồng khai mở Đại Đạo".

Như vậy, Lục Tổ không trực tiếp truyền Tổ bàn.

Đúng như di ngôn của Đức Lục Tổ, qua 70 năm bị đình trệ. Năm 784, Ngài Mã Công Đạo Nhứt người gốc Giang Tây theo học Đạo với Ngài Nam Nhạc cùng có một đệ tử khác là vị Bạch Ngọc Cư Sĩ, Phật Giáo uyên thâm. Nhị vị Mã Công và Bạch Ngọc cùng song thừa Thất Tổ, khai triển Thiền Môn. Thời này khắp Trung Hoa có 800 Thiền viện.

Ngài Mã Công thị tịch trước, đến khi Ngài Bạch Ngọc sắp thị tịch có phó chúc truyền tổ bàn Bát Tổ lại cho Ngài La Công Húy kế thừa.

Năm 955, nhằm đời Vua Hiến Đức nhà Hậu Châu, xảy ra pháp nạn. Vua hạ lệnh phá hủy nhiều chùa chiền am viện, cả nước Trung Hoa có đến 3.356 ngôi chùa bị hại. Nhiều nhà sư phải sang lánh nạn tại nước ta. (triều Ngô Xương Văn thứ 5).

Ngài Bát Tổ La Công Húy viên tịch trong nhà lao năm 956, cũng từ đó Phật Đường Nam Tông bị đình trệ 700 năm.

Gần cuối triều Minh, tại tỉnh Giang Tây, có núi Lư Sơn, có Ngài Huỳnh Công Đức Huy lòng hăng mộ Đạo. Ngài được một vị dị nhân, "mật truyền, tâm ấn", kế thừa Tổ mạng thứ 9 (năm 1623). Từ đây, phái Phật Đường Nam Tông phát triển trở lại. Lúc sắp quy liễu, Ngài Huỳnh Công Đức Huy phó chúc tổ bàn lại cho Ngài Ngô Công Tinh Lâm kế thừa Tổ mạng thứ 10. Tiếp đến, Ngài Ngô Công Tinh Lâm mật truyền lại cho Ngài Hà lão Huệ Minh, tiếp nối Tổ mạng thứ 11.

Dòng Đạo tiếp nối, Ngài Hà lão Huệ Minh chọn Ngài Viên lão Thối An, là người thông minh, học cao, hiểu rộng, lại tích thanh tịnh, làm Tổ thứ 12. Qua đến đời Tổ 13, Phật Đường Nam Tông một lần nữa có 2 vị đồng chấp chưởng tổ bàn (song thừa) đó là nhị vị : Vương Công Hườn Hư và Từ Hườn Vô. Tổ mạng thứ 14 là Y Đạo Tổ Sư. Ngài có lời mật phó cho Tổ mạng thứ 15 là Ngài Đông Sơ Tổ Sư truyền Đạo pháp xuống miền Nam, nhằm thời vua Tự Đức thứ 16 (1863). Ngài Đông Sơ Tổ Sư lập tại Hà Tiên ngôi Quảng Tế Phật đường. Ngôi chùa này do ông Ngô Cẩm Tuyền đứng ra xây dựng. Ông tu hành tiến lên bậc Đại lão Sư (Ngô Đạo Chương). Năm 1905,

Ngài Ngô Đạo Chương về Sài Gòn dựng ngôi "Ngọc Hoàng Điện" (chùa Đa Kao), công việc chưa hoàn tất, nhưng rồi lý do kinh tế phải sang nhượng đi. Một vài năm sau, bốn đạo Minh Sư tại đây lập ngôi Quảng Nam Phật Đường.



Ngài Thái lão Sư Trần Đạo Minh, rồi Ngài Thái lão Sư Vương Đạo Thâm thay mặt Ngài Trần Lâm Tổ Sư điều hành mỗi Đạo tại Việt Nam.

Quảng Nam Phật Đường (số 17 Trần Quang Khải, quận 1) hằng năm vẫn lấy ngày giỗ Thái lão Vương Đạo Thâm (30 tháng tư Âm lịch) làm ngày kỷ niệm.

Theo chư vị trưởng lão Minh sư cho biết : mỗi Đạo Nam Tông được dân gian gọi là Đạo Minh Sư vào thời điểm Lục Tổ Huệ Năng và vị Thần Tú có sự tách biệt trong việc truyền giáo Nam tông với Bắc tông. Như nêu trên, gọi đúng phải là phái Phật Đường Nam Tông.

Tại Việt Nam hiện nay còn tồn tại 3 chi nhánh Đạo Minh Sư, tạm gọi là 3 Tông :

1. Tông Đức Kế : Nhánh của Đức Thái lão Vương Đạo Thâm, có một số chùa như : Quảng Nam đường, Khánh Nam đường (Bình Thạnh), Nam Nhã đường (Bình Thủy- Cần Thơ), Mỹ Nam đường (Mỹ Tho), Vạn Bửu đường (Gò Công), Nam Tôn đường (Hội An), Hòa Nam đường (Đà Nẵng).
2. Tông Phổ Tế : Nhánh của Thái lão Sư Trần Đạo Quang, có một số chùa như : Linh Quang đường (Hóc Môn), Long Hoa đường (Cai Lậy), Phổ Hòa đường (Mỹ Tho)...
3. Tông Hoằng Tế : nhánh của Thái lão Sư Lâm Đạo Ngươn (thường được biết với bút danh Lâm Xương Quang). Một số chùa như Quang Âm đường (Thâm niên Long An), Quang Âm đường (TX Tân An) , Trọng Văn đường (Bình Điền).

Toàn Việt Nam hiện có trên 50 chùa Minh Sư, trong đó Quảng Nam đường là Tổ đình của tông Đức Kế, Linh Quang đường (Hóc Môn) là Tổ đình của tông Phổ Tế, Quang Âm đường (Thâm niên Long An)) là Tổ đình của tông Hoằng Tế.

Chánh điện của chùa Minh Sư thờ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế và Chư Phật, Chư Tiên (hoặc thờ tượng, hoặc thờ long vị, tùy nghi), tụng Ngọc Hoàng Tâm Ấn, Bắc Đẩu chơn kinh, Địa Mẫu chơn kinh.

Pháp tu Minh Sư rất nghiêm mật, muốn tu tiến, hành giả phải khép mình trường trai tuyệt dục. Bên Nam phái có 9 bậc tu từ thấp lên :

- Nhất thừa : gồm Nhất, Nhị và Tam bộ.
- Nhị thừa : gồm bốn bậc là Thiên Ân, Chứng Ân (chữ Minh), Dẫn Ân (chữ Xương), Bảo Ân (chữ Vĩnh)
- Tam thừa : Có 2 phẩm là lão Sư (chữ Vận), và Đại lão Sư (chữ Đạo)

Bên phái nữ có 7 bậc, đạo danh được ban từ đầu không đổi. Phẩm cao nhất cũng có chữ Thái, nhưng pháp tu chỉ cỡ bậc Bảo Ân ở phái Nam.

Đệ tử Minh Sư mặc Đạo phục màu đen.

- a. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển - quyển 1, trang 29, có đoạn Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc) Samedì, 21 Aout, 1926. "Lịch mời chư môn đệ Minh Đường của Thầy ra nghe dạy" : (Lịch là Ngài Lê Văn Lịch, sau này là đầu sư Ngọc Lịch Nguyệt, chủ chùa Vĩnh Nguyên).
- b. Trong quyển Thánh ngôn, (viết tay), do Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh lưu lại có đoạn Thánh giáo ngày 16/03/26 : "Trung, Tắc, Cư. Thầy dặn 3 con nội hạ tuần tháng hai, con phải xin nghỉ một tuần lễ xuống ở tại chùa Minh Đường mà học Đạo thêm ..."
- c. Ngày 04/03/1326 (20 tháng giêng, Bính Dần), trong buổi lập đàn đầu tiên tại Vĩnh Nguyên Tự. Đức Thái lão Sư Lê Đạo Long giáng đàn báo tin cho chư môn đệ biết Ngài đã đắc vị Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn. Ngài khuyên bốn đạo địa phương và gia đình quy nhập Cao Đài. Xin trích một đoạn Thánh giáo trên : "Lê Văn Tiếng ... Lịch thính Ngã, Ngã thị nữ phụ, thọ mạng Cao Đài Tiên Ông viết Cao Đài Thượng Đế giáo đạo Nam phương. Tiên nhật Ngã, thọ giáo Minh Đường. Đại Đạo thị chi nhứt dã... Ngọc Đế cảm xúc công quả thậm đa, bất lưu luân hồi tại thế, phú Thái Ất Chơn Quân độ dẫn. thọ sắc Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn tại Tây Phương Cực Lạc..."

Ghi chú :

- Quang Âm đường ở Phú Quốc xưa, nơi Đức Ngô Văn Chiêu thọ giáo pháp Cao Đài thuộc tông Hoằng Tế. Đại lão Sư Nguyễn Đạo Ngưỡng (năm nay 83 tuổi) hiện trụ trì tại Quan Âm đường, Tân An, cho biết khi ông còn nhỏ, có lần ra Phú Quốc hộ tịch cho Thái lão Sư Lâm Đạo Ngươn (Lâm Xương Quang).
- Một số bài kinh nhật tụng của Cao Đài giáo và ngay cả của Chi Minh Lý có gốc từ kinh Minh Sư, như :

Kinh Cao Đài có : bài Ngọc Hoàng Kinh và 3 bài kinh xưng tụng Tam giáo Đạo Tổ. Hai bài Niệm hương (Đạo gốc bởi) và Khai Kinh (Biển trần khổ) của Minh Lý cũng do Đức Thái Thượng và Đức Nam Cực Chương giáo tả lại Quốc ngữ theo Kinh Minh Sư. Sau chư Tiên Khai Cao Đài vâng lệnh Ôn Trên qua Minh Lý thỉnh hai bài Kinh này (cùng một số bài Kinh khác).

2- Chi MINH ĐƯỜNG

Nhiều sách viết rằng tên Minh Đường là do viết gọn từ "Minh Sư Phổ Tế Phật Đường", nhưng chưa rõ ở mức chính xác của các tài liệu này. Các vị tu Minh Sư hiện nay hầu như không biết đến chi Minh Đường.

Danh hiệu Minh Đường được tìm thấy trong Thánh ngôn và sử liệu do chư Tiên Khai Cao Đài để lại, dùng chỉ bốn đạo Vĩnh Nguyên Tự thuở mới quy nhập Cao Đài (1926).

"Lê Văn Tiếng ... Lịch thánh Ngã, Ngã thị nể phụ, thọ mạng Cao Đài Tiên Ông viết Cao Đài Thượng Đế giáo đạo Nam phương. Tiên nhật Ngã, thọ giáo Minh Đường..."

4. Thân mẫu Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu mất phần ngày 28/08/1926, lúc này Đạo mới mở, chư Tiên Khai chưa rõ làm cách làm lễ tang đạo hữu nên thiết lập đàn cơ cầu Ôn Trên chỉ dẫn. Hôm ấy Thầy giảng dạy :

« Trung, con tức tốc xuống Cấn Giuộc biểu Tương về. Và cả chư môn đệ Thầy hội lại cho đủ mặt. Phải nhớ biểu Lịch lên, nói với nó Thầy cần 4 vị chức sắc Minh Đường cầu kinh cho mẹ Hậu ».

Bốn Thánh giáo trên . Ôn trên đều dùng tên Minh Đường để chỉ Vĩnh Nguyên Tự và do Tôn chỉ, pháp tu, kinh kệ, phẩm trật... của chư vị lão Minh Đường tại Vĩnh Nguyên Tự đều không xác nhận Minh Sư. Cho nên không nghi ngờ gì nữa, Minh Đường là một phân nhánh của Minh Sư. Có lẽ sự khác biệt là do gốc Đạo truyền qua Việt Nam, vì rằng Đức Di Minh Tử Ngô Đạo Chánh, người truyền đạo Minh Đường cho Ngài Lê Văn Tiếng (Thái Sư Lê Đạo Long) năm 1876 không thấy tên trong các tiền bối Minh Sư truyền đạo buổi đầu.

Nay, Vĩnh Nguyên Tự là chùa Cao Đài , tên Minh Đường không còn nghe nói nữa.

Ghi chú :

Nhiều tài liệu ghi Ngài Ngọc Lịch Nguyệt tu Minh Đường đến phẩm Chứng Ân. Nhưng, theo lời xác nhận của Đạo Trưởng Bạch Lương Ngọc (trụ trì Vĩnh Nguyên Tự, hiện nay đã 90 tuổi) thì đạo hiệu của Đức Ngọc Lịch là Lê Xương Tịnh – chữ Xương – do đó phẩm Đạo của Ngài phải Dẫn Ân (trên chứng một cấp). Theo luật Đạo Minh Sư (và Minh Đường), người tu phải đến cấp Dẫn Ân mới đủ quyền pháp phổ độ và phụ trách một ngôi Phật Đường.

Các bài : Ngọc Hoàng Kinh và Kinh Xưng tụng Tam Giáo Đạo Tổ của Cao Đài hiện nay do Đức Ngọc Lịch thọ lệnh Thầy chọn từ kinh Minh Đường. Đến nay, việc sưu tầm các bản gốc chữ Hán các bốn Kinh trên có khó khăn (chỉ mới tìm được gốc của bài Ngọc Hoàng Kinh và Bài Xưng Tụng Tiên Giáo). Do vậy có thể suy nghĩ về các chi Minh Sư khác nhau tại đất Trung Hoa.

3- Chi MINH LÝ

Ngài Âu Minh Chánh (1896-1941) tên tục là Âu Kiệt Lâm, khoảng năm 1920 , muốn nghiên cứu về nhân điện (magnétisme) nên đã gửi mua tài liệu bên Pháp. Ngài

nguyên cứu và học được cách chữa bệnh giúp bá tánh địa phương . Nhiều bệnh nhân trong cơn hiểm nghèo đã được chữa trị lành. Lúc ấy, Ngài đang ở nơi đường Barbier (nay là Thạch Thị Thanh). Hợp tác với nhiều thân hữu làm việc từ thiện, dần dần chư vị phát tâm tin tưởng Thiên linh. Ngài Âu Minh Chánh cùng vài người khác tìm đến một vị cao tăng đến từ Trung Hoa, đang giảng pháp tại chùa Minh Hương Phước An Hội Quán (đường Hùng Vương), học cách cầu huyền cơ. Do cách cầu huyền cơ đòi hỏi phải thật nghiêm cẩn, nên ít thành công, chư vị đổi sang học cách cầu Đại Ngọc Cơ.

Từ khoảng 1922, Ôn Trên hướng dẫn quý Ngài dẫn vào đường tu . Buổi đầu ấy, chư Tiên Khai Minh Lý Đạo gồm 6 vị :

1. Nguyễn Văn Miết (Minh Thiện) (1897-1972)
2. Nguyễn Văn Xứng (Minh Giáo) (1891-1957)
3. Lê Văn Ngọc (Minh Truyền) (1887-1965)
4. Võ Văn Thanh (Minh Trực) (? – 1976)
5. Nguyễn Văn Đễ (Minh Đạo) (? – 1961)
6. Âu Kiệt Lâm (Âu Minh Chánh) (1896-1941).

Các vị luân phiên nhau tổ chức cúng tại nhà vào các kỳ sóc vọng và tạm dùng vài bài Kinh Minh Sư (bài Niệm Hương, Khai Kinh, Ngọc Hoàng Kinh...), chữ Hán Việt. Một lần, chư vị có than cùng nhau rằng : « Nghĩa lý chữ Nho rất cao sâu, cho nên lời Thần Tiên để lại trong kinh sách bấy lâu nay, người đời ít ai thông hiểu những điều mầu nhiệm. Chớ chi Ôn Trên cho Kinh bằng chữ Quốc Âm, dù bực nào cũng dễ hiểu và thực hành được ».

Chẳng ngờ Ôn Trên chấp nhận lời cầu xin này. Đức Thái Thượng Đạo Quân trong lần giáng cơ sau đó dạy rằng : « Chư nhu tụng Kinh, chứ không thông nghĩa lý, nên ta cho kinh Nôm. Kinh này vẫn tốt, cũng tiện cho chư nhu đọc ».

Đêm 27 tháng mười một, Giáp Tý (23/12/1924) (năm , tháng, ngày, giờ đều thuộc Tý). Minh Lý Đạo khai minh.

Trước đó một ngày , vào 22/12/1924, nhằm ngày Đông Chí nhứt dương sơ phục, Đức Thái Thượng giáng tả bài Tặng Thiên Đế (diễn Nôm từ bài « Đại La »). Nhiều bài khác (gốc Minh Sư hay kinh mới) đều được chư Thiên tiếp tục ban bằng chữ Quốc Ngữ, thí dụ như :

- Ngày 11/01/1925, Đức Đạo Tổ cho bài Thông Minh Chú (gốc là bài Cửu Thiên Đại La, Thân Phi Bạch Y... Của Minh Sư).
- Ngày 21/06/1925, Đức Lý Thiết Quả cho bài Kinh Thái Dương.

Từ ngày 19/04/1925 đến 21/11/1925, qua nhiều buổi đàn. Đức Đạo Tổ, Phật Nhiên Đăng, Phật Quan Âm, Đức Nam Cực Chương Giáo... tả bài Kinh Sám Hối.

Sau khi bài Kinh Sám Hối ban xong, Đức Văn Tuyên Vương dạy chư Minh Lý môn sanh rằng, trong khi chưa tạo dựng được nơi cúng lễ riêng, phải tạm mượn một ngôi chùa để làm chỗ tụ tập lễ bái, tu học, tụng các bài Kinh Ôn Trên đã ân ban. Chư vị

sau đó được vị Giáo Thọ trụ trì Linh Sơn Tự (đường Cô Giang) vui lòng cho mượn chùa làm nơi lễ bái Phật Trời, tụng kinh Sám Hối. Cũng chính do mượn chùa, các đạo hữu tránh vào các ngày Sóc Vọng, nhường cho gia chủ, nên lệ cúng hằng tháng vào các ngày 14 và 30 âm lịch còn giữ đến nay.

Từ đó, Minh Lý môn sanh quyết tâm xây ngôi chùa riêng. Nhờ ông Trần Minh Lý hiến đất vùng Bàn Cờ (lúc ấy trước chùa chỉ là con hẻm đất, sau này mới mở thành đường Cao Thắng) cùng quý bà Ba Ngời, Huỳnh Thị Ngôn ... giúp một phần tài chánh, ngày 10/08/1926 chùa đặt viên đá đầu tiên. Chùa gát đôn đông ngày 18/08/1926, và đến cuối tháng 01/1927, việc xây dựng hoàn tất. Ngày 22/02/1927 khai buổi cúng đầu tại chùa mới. Như vậy, Minh Lý môn sanh đã mượn Linh Sơn Tự từ tháng chín, năm 1925 đến tháng hai 1927.

Chùa cất xong, Đức Diêu trì Kim Mẫu giáng đàn, ban đạo hiệu chùa là Tam Tông Miếu. Qua hai đợt trùng tu năm 1941 và 1957, Tam Tông Miếu mới có dáng như ngày nay.



Tam : tam thể đồng nhất, Tam giáo đồng nguyên
Tông : Thừa kế, tiếp nghiệp của Tổ truyền
Miếu : Tòa ngự của các Đấng Thiêng Liêng tại thế

Chánh điện của Tam Tông Miếu thờ tam Cực : Vô Cực (Diêu Trì Kim Mẫu), Thái Cực (Ngọc Hoàng Thượng Đế), Hoàng Cực (Hồng Quân lão Tổ). Cấp thứ nhì thờ Tam Giáo Đạo Tổ.

Cấp thứ ba thờ Tứ Đại Bồ Tát. Cấp thứ tư thờ Ngũ Vị Tinh Quân cùng nhiều bàn thờ khác từ trong ra ngoài. Năm 1972, bốn đạo Minh Lý phát triển thêm ngôi Bát Nhã Tịnh Đường ở Long Hải (chuyên để luyện tu).

Đến nay, chư Minh Lý môn sanh, với đạo phục màu đen truyền thống tiếp tục hành đạo theo giáo lý và giáo pháp đã được truyền dạy từ xưa. Nhiều môn sanh mới đã gia nhập Minh Lý Thánh Hội, kế thừa mỗi đạo Tam Tông.

Ghi chú :

Buổi đầu mở Đạo Cao Đài, Ôn Trên ban lệnh chư Tiên Khai gồm quý Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Vương Quan Kỳ đến Minh Lý Thánh Hội thỉnh các bài kinh :

- Niệm Hương kinh (đạo gốc ...)
- Khai Kinh (Biển trần khổ ...)
- Kinh Sám hối (Cuộc danh lợi ...)
- Kinh xưng tụng Công Đức (hào quang chiếu ...)
- Kinh Cầu siêu (Đầu vọng bái ...)



Đồng lúc ấy tại Minh Lý, Ôn Trên đã ban lệnh truyền kinh. Thời điểm chư Tiên Khai Đại Đạo qua thỉnh chưa xác định chính xác được vào ngày nào. Nhưng gói trong khoảng tuần lễ từ 18/01/1926 (là ngày Ngài Lê Văn Trung gia nhập vào nhóm của hai cư vị Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc ...) đến ngày 27/01/1926 (là ngày Thầy khen chư vị "tụng Kinh hay" – trích Đạo Sử của Tiên Khai Hương Hiếu). Và, có điều trước nay nhiều người lầm là chư vị Tiên Khai không thỉnh kinh tại Tam Tông Miếu. Đơn giản là năm 1926, Tam Tông Miếu chưa cất. Minh Lý Hội còn tạm trú nơi chùa Linh Sơn.

Ngôi nhà Ngài Âu kiệt Lâm (Âu Minh Chánh) ở đường Barbier (Lý Trần Quán/Thạch Thị Thanh ngày nay) là địa điểm tiếp các bài Kinh Minh Lý Đạo nằm trong một ngõ nhỏ. Ngôi nhà xưa bằng gỗ, khá rộng, nay không còn. Vị trí cuộc đất nay thuộc nhà số 78/2 Võ Thị Sáu, quận 1.

Đến trước năm 1915, một nhóm nhân sĩ thường họp mặt tại chùa Quan Đế, thị xã Thủ Dầu Một (nay trên đường Hùng Vương) để cầu cơ thỉnh Tiên. Cách thức cầu cơ theo như Minh Sư (phò Đại Ngọc Cơ). Tại đây chư Tiên giảng dạy về thời cuộc và cho thuốc trị bệnh, có nhiều lời tiên tri rất linh hiển. Điều lạ là ông Nguyễn Văn Trương làm đồng tử thường ngày không biết chữ, nhưng mỗi khi phò Đại Ngọc Cơ, ông viết toàn chữ Nho, chữ Việt rất thông thái, càng làm cho đạo tâm quanh vùng thêm tin tưởng.

4- Chi MINH THIỆN

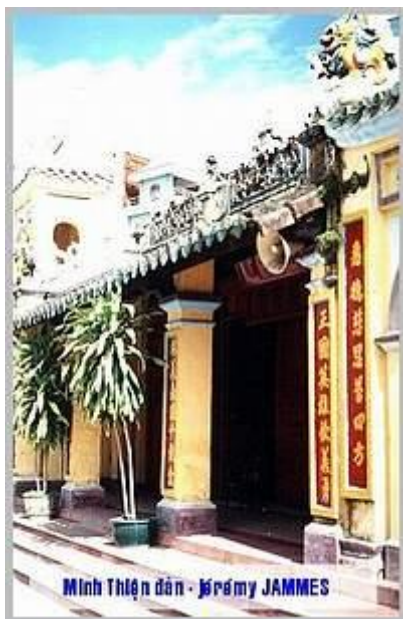
Đến khoảng năm 1915, ông Trần Hiến Vinh (1884-1962) được tổ phụ truyền lại ngôi chùa này. Do chùa đã cũ xưa, trên 100 năm, nhiều chỗ hư mục nên ông cho tu sửa lại, mở rộng chánh điện ra phía trước, xây dãy nhà ngang, lát gạch toàn bộ nền chùa (phần gạch tàu cũ đem lót ngoài sân) và làm con ngựa Xích Thổ đặt trước cổng. Do vậy, dân gian gọi đây là chùa Ông Ngựa.

Xen lẫn những buổi hầu cơ có luận việc đời, việc đạo. Thiêng Liêng thường ban ơn chữa bệnh cho bá tánh nên tên Đàn Minh Thiện có từ lúc này. Nhiều vị đạo tâm tích cực hành đạo như các ông : Trần Phát Đạt (anh ông Vinh), Lê Văn Hơn, Trần Duy Khánh, Lê Ngọc Lăng, Phan Văn Tý (1888-1962).



Chùa Minh Thiện thờ Đức Quan Thánh Đế Quân, tụng Minh thánh Kinh, nhưng tại đây cũng có rất nhiều tượng, chư vị Bồ Tát, Phật Tổ.

Sau khi đồng tử Nguyễn Văn Trường mất, cơ bút đã bế, nhưng khách hành hương vẫn tấp nập và rất thành tín. Tiếp đến năm 1963-1964, ông Trần Hiến Vinh qua đời. Do đã tham gia tích cực và có nhiều uy tín, ông Trương Kế An làm quản lý Chùa. Ông cho thượng Thánh tượng Thiên Nhân và dùng Kinh Cao Đài cúng thường ngày, lấy tên là Thanh An Tự. Được vài năm, ông bị bệnh và giao chùa cho bốn đạo địa phương quản lý, thờ Đức Quan Thánh lại như xưa.



CÓ MỘT SỐ SỰ TÍCH LIÊN QUAN GIỮA MINH THIỆN VÀ CAO ĐÀI Với Ngài Ngô Minh Chiêu.

Năm 1902, Ngài Ngô còn quá trẻ (25 tuổi), chưa biết đạo nhưng đã có tâm thành. Nghe đồn Tiên gia linh hiển, lại muốn cầu thọ cho thân mẫu. Ngài Ngô lên hầu Đàn Minh Thiện. Hôm ấy Ngài được Ông Trên ban cho 4 câu thơ :

Thủ bôi vị lễ diệt khả thông.
Trung dung hữu đạo thị tâm không
Đắc vọng kỳ sự giả thân du
Minh phong khả đối, dữ thành công

Đến năm 1919, do thân mẫu lâm bệnh nặng. Ngài Ngô có lên Đền Minh Thiện cầu thuốc, nhưng Ông Trên lộ cho Ngài biết là cụ bà vận số đã hết. Ngày 15 tháng mười một năm ấy, cụ bà từ trần.

Nhờ nhiều lần hầu đền Minh thiện, hiểu rõ cách cầu cơ nên khi Thiêng liêng dạy chư vị ở Tân An thay đổi từ chấp bút qua Đại Ngọc Cơ nên Ngài Ngô dễ dàng chấp hành.

Với nhóm "xây bàn" - Ngài Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư và Cao Hoài Sang. Buổi đầu thông công với các Đấng Thiêng Liêng, quý Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang dùng phương pháp xây bàn theo sách Pháp. Cũng như nhóm chấp bút của Ngài Ngô, Ông Trên ban lệnh cho quý Ngài chuyển qua sử dụng Đại Ngọc Cơ cho được nghiêm túc và thông linh hơn.

Khiến sao ông Phan Văn Tý (một vị trong Ban Cai Quản đền Minh Thiện) là bạn Ngài Cao Quỳnh Cư, dọn lại ở gần nhà. Ông Phan Văn Tý đã cho mượn và hướng dẫn nhậm vị Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư phò Đại Ngọc Cơ thuần thực. Buổi phò cơ đầu tiên của chư vị nhằm lễ Hội Yến Bàn Đào (rằm tháng tám, năm Ất Sửu). Bài cầu cơ lúc ấy cũng mượn của Chi Minh Thiện.

Với Chi Minh Tân

Ông Lê Minh Khá là xã trưởng ở Vĩnh Hội. Do bệnh ngặt nghèo, ông lên hầu Đền Minh Thiện được Ông Trên ban thuốc uống lành. Sau đó, ông được Thiêng liêng hướng dẫn thờ phượng và lập Chi Minh Tân (sẽ nói rõ hơn ở phần sau).

Như vậy, có thể nói Chi Minh thiện có nhiều căn duyên trong buổi đầu khai nền Tôn giáo Cao Đài. Tuy vậy, nay Đền Minh thiện (Thanh An Tự) trở lại thờ Đức Quan Thánh Đế Quân như xưa và không còn cơ bút.

Ghi chú :

Ông Trần Hiến Vinh (1884-1962), vợ là Đặng Thị Hường (1900-1948), nhậm vị có một gái là Trần Ngọc Anh, cô Anh lập gia đình với ông Phan Văn Bồn là con trai ông Phan Văn Tý (1988-1962) và bà Cao Thị Nhiều (1892-1970). Bà Trần Ngọc Anh hiện ngụ tại Cư xá Lữ Gia và kế tục quản lý Thanh An Tự.

Nhiều người kể lại rằng, khoảng năm 1964-1965, khi ông Trương Kế An xây Cao Đài Tự ở núi Cấm, có định chổ tượng Ba Ông (hiện đặt trước chánh điện Thanh An Tự) về, nhưng không thể nào khiêng đi được. Thế nhưng sau này, lúc bốn Đạo Minh Thiện sửa chùa, (thay cột gỗ bằng cột bê tông) xê dịch tượng rất dễ dàng.

5- CHI MINH TÂN

Trong Ngũ Chi, chi Minh Tân được lập cuối cùng, sau các chi khác.

Nguyên khoảng năm 1917, ông Lê Minh Khá (1868-1946) làm xã trưởng Vĩnh Hội, đồng thời là một doanh gia buôn bán gạo và phân bón khắp Nam Trung Bắc, ông bị

bệnh nặng, thuốc than nhiều, nhưng không khỏi. Nhờ thân hữu mách bảo, ông lên Đền Minh Thiện cầu xin và được Ông Trên ban bài thuốc lành bệnh.

Đến năm 1920, lại một cơn bệnh khác, và như lần trước ông lên đền Minh Thiện xin thuốc. Lần này được Đức Quan Thánh Đế Quân cũng ban bài thuốc trị bệnh cho ông, nhưng thêm lời khuyên lo tu hành, năm ấy ông 52 tuổi.

Tuân lời dạy của Đức Quan Thánh Đế Quân, ông Lê Minh Khá lập tại tư gia, số 236 Quai de la Marne (nay là nhà Văn Hóa quận 4) một bàn thờ Chư Tiên, Chư Phật. Trong thời gian này, khiến sao thỉnh thoảng những vị khuất mặt lại nhập điển vào mấy em nhỏ con cháu của mấy ông và dạy nhiều việc linh ứng, tạo niềm tin tưởng cho cả gia đình.

Qua năm sau, 1921, ông Lê Minh Khá thọ lệnh Thiêng Liêng lập ngôi Cao Thâm Đền nơi sở vườn cao su rộng trên 100 mẫu tại xã Gia Lộc, Trảng Bàng. Lệnh cũng giao cho hai con trai ông là Lê Minh Sanh và Lê Văn Trân coi sóc. Cao Thâm Đền thờ Tam Giáo Đạo Tổ, cùng chư Tiên, Phật. Nơi đây thường thiết lập đàn cơ (song đồng âm dương phò Đại Ngọc Cơ) trị bệnh, và dạy đạo đức cho dân chúng địa phương.

Năm 1922, ông Lê Minh Khá nhận lệnh Ông Trên lập Cao Minh Đền tại tư gia (bến Vân Đồn). Cách thức thờ phượng nơi đây nghiêm túc hơn với vòng Thái Cực, bài vị Tam Giáo Đạo Tổ và chư Tiên, Phật. Lúc này sự tin tưởng nơi Thiêng liêng trong toàn gia đình ông Lê Minh Khá tăng tiến rõ rệt, hầu hết mọi người đều tham gia hầu lễ Ông Trên.

Qua năm 1923, tiếp tục có chuyển biến : Ông Trên ban lệnh cho ông Lê Minh Khá mua lô đất gần nhà (cạnh bên phải số 221 Bến Vân Đồn là chùa Minh Tân hiện nay) để chuyển Cao Thâm Đền ở Trảng Bàng về đây, lập thành ngôi Cao Tân Đền.

Lúc này Cao Tân Đền thờ đủ bài vị : Đức Điều Trì Kim Mẫu, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế và chư Tiên, Phật. Có thêm bàn thờ Đức Lê Sơn Thánh Mẫu. Sau khi xây dựng, ổn định xong Cao Tân Đền, Cao Thâm Đền chấm dứt nhiệm vụ.

Không lâu sau đó, Ông Trên chuyển lệnh sáp nhập 2 Đền Cao Minh và Cao Tân thành "Đền Minh Tân" tạm đặt tại Cao Tân Đền. Riêng Cao Minh Đền trở lại thành nơi thờ phụng riêng của gia tộc họ Lê.

Như vậy, đến năm 1924, qua năm 1925, Đền Minh Tân đã hình thành. Nơi đây chư Thiêng Liêng giáng điển qua cơ bút, dạy Đạo cho tín hữu địa phương, thu nhận rất nhiều tín đồ, vùng Khánh Hội, nhất là người nhà và số nhân công làm việc cho gia đình ông Lê Minh Khá.

Ngày 26 tháng chín năm Bính Dần (11/11/1926), tức là cận ngày Khai Minh Đại Đạo ở chùa Gò Kén. Đức Thái Thượng Đạo Quân giáng tại Minh Tân Đền dạy : "Còn chẳng bao nhiêu lâu nữa thì tam Giáo Đạo sẽ ngưng lại hết, ai có duyên phận thì Thầy độ lúc này. Vậy chư nhu phải truyền bá ra. Như người nào mộ Đạo thì phải cầu Đạo sớm đi. Nếu muộn thì đừng trách !"

Tiếp đến Đức Tề Thiên Đại Thánh dạy bên phía Nam : "Khá mấy lời dạy con, con có nhớ chẳng ? Nếu nay con hồi đầu tỉnh ngộ, chữa bớt tính nóng thì bệnh con lần lần thuyên giảm. Thầy định ngày mồng 6 tháng 10 phải kêu cả các người cho đủ mặt (Thầy ở đây là Đức Tề Thiên)".

Và như vậy, vào ngày mồng 6 tháng 10 năm Bính dần, toàn thể Nam Nữ tín đồ Minh Tân quy tụ về chùa cùng làm lễ minh thệ nhập môn Cao Đài Giáo. Từ đây Minh Tân trở thành Thánh Thất Đạo Cao Đài.



Cũng từ đây, ông Lê Minh Khá càng tăng tiến việc tu hành. Sau khi mua thêm khu đất cạnh bên tổng cộng 601 thước vuông (số 221 bến Vân Đồn hiện nay), ông tiến hành việc xây dựng ngôi chùa khang trang hơn. Ngày 15/12/1928, nhận được giấy phép, ông Khá cho khởi công xây dựng ngôi Tam Giáo Điện Minh Tân ; đến năm 1930 hoàn tất, khánh thành. Lúc này, ngoài các bàn thờ như : Cao Tân Đàn còn thêm bàn thờ Đức Tề Thiên Đại Thánh (bên Nam phái). Cao Tân Đàn chấm dứt nhiệm vụ, các bài vị thờ đưa qua lưu giữ tại tam Giáo Điện Minh Tân.

Ông Lê Minh Khá liễu Đạo ngày rằm tháng giêng, năm Bính Tuất (1946) thọ 79 tuổi. Mộ phần tại Linh Xuân, Thủ Đức, cạnh sân banh.

Ghi chú :

Ông Lê Minh Khá (1868-1946) phối ngẫu cùng với bà Nguyễn Ngọc Tâm (1876-1937), nhị vị có 5 người con là: bà Lê Ngọc Ý (1895-1941), ông Lê Văn Vị (1898-1945), cô Lê Ngọc Trinh (1902-1941), ông Lê Minh Sanh (1906-1988), và ông Lê Văn Trân (?).

Với người vợ sau tên Huỳnh Thị Gấm có các người con là : Lê Ngọc Sương, Lê Thị Nữ, Lê Thị Liên, và Lê Minh Chánh.

Riêng cô Lê Ngọc Trinh có tâm Đạo từ nhỏ. Khoảng năm 1934, cô được Ôn Trên chọn vào trách nhiệm lập Nữ Chung Hòa Phái. Liễu đạo năm 1941, cô thọ Thiên phong Liên Hoa Tiên Nữ.

Ông Lê Minh Khá và Ngài Vương Quan Kỳ (một vị tiền Khai Đại Đạo) là thông gia với nhau (ông Lê Văn Trân và bà Vương Thanh Chi) và cùng hành đạo tích cực đến cuối đời.

Sau khi thành lập tam Giáo Điện Minh Tân, cách thức thờ phượng vẫn giữ nguyên như trước (lúc này đã quy nhập về Cao Đài). Chỉ thêm Thánh tượng Thiên Nhãn ở trên cao.

Chính vì Minh Tân có thờ Đức Tể Thiên Đại Thánh, rồi đến chuyện "biến quỹ nhập tràng" tại Gò Kén, nên các bản Thánh Ngôn Hiệp Tuyển phát hành khoảng 1930-1950 đều cắt bỏ 3 bài Thánh giáo dạy ở Minh Tân. Gần đây mới in lại.

KẾT LUẬN

Vậy là trước khi Đạo Trời xuất hiện, năm chi Đạo họ Minh này cùng lúc có mặt tại chỗ để soi sáng. Soi sáng hầu vệt đi cái hắc khí của bầu Hạ Ngươn này. Soi cho tâm hồn của nhân sanh địa phương đất Nam Việt không còn u ám. Giúp cho mọi người nhìn thấy được sự lộng lẫy của mỗi Đạo Trời ban xuống, nhờ vậy mỗi Đạo mới lập tức có đủ điều kiện thuận lợi và phát triển mạnh mẽ.

Giờ đây nhìn lại, năm chi Đạo có 2 chi đã quy nhập cao Đài, 3 chi kia tuy vẫn hành Đạo với phương tu riêng của mình như trước, nhưng vẫn qua lại với mỗi thâm tình.

Là những người tín hữu Cao Đài và là những hậu bối đi sau, nhìn về quá khứ chúng ta hết sức trân trọng thừa kế và biết ơn những vị Tiên Bối dù ở chi Đạo nào : Minh Sư, Minh Lý, Minh Thiện, Minh Đường hay Minh Tân... đã chung góp phần vào đại cuộc.

(BBT - sao chép và bổ túc thêm hình ảnh của HH Huệ Nhẫn đề ngày 7/1999)